

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Bản án số: **496/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/4/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lại**

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà **Trần Thị Kim Dung**

- Bà **Bùi Thị Bích Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 452 ngày 03/4/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Đàm Thị T**, sinh năm 1985 (*Có mặt*).

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn V, phường Y, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **Phạm H**, sinh năm 1973 (*Vắng mặt*).

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn V, phường Y, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đàm Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Phạm H kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 4 năm 2011 tại UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường Y, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, chị Đàm Thị T và anh Phạm H chưa ai kết hôn lần nào. Trước khi đi đăng ký kết hôn, anh chị đã chung sống với nhau

như vợ chồng từ năm 2009. Đến khi sinh được một người con, chị Đàm Thị T và anh Phạm H mới đi đăng ký kết hôn.

Trong suốt quá trình chung sống với nhau kể cả trước khi kết hôn, chị Đàm Thị T và anh Phạm H đều ở tại thôn V, phường Y, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống với anh H, vợ chồng anh chị chung sống với nhau bình thường, hòa thuận, chỉ đôi lúc phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, có thể khắc phục được. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hơn nữa, anh H khi say rượu thường xuyên đánh đập, chửi bới và đuổi chị T ra khỏi nhà. Một mình chị T phải lo cho gia đình và các con, còn anh H không lo làm ăn, vun vén cho gia đình. Đôi khi, mâu thuẫn xảy ra đến đỉnh điểm, chị T và anh H có xảy ra xô xát. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H tổ dân phố có biết được. Gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do không thể chịu đựng được nữa, chị T và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2024, mỗi người một nơi, cuộc sống và kinh tế độc lập, không ai quan tâm đến ai.

Đến nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Phạm H để chị ổn định cuộc sống và chăm sóc tốt cho các con.

Chị Đàm Thị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và đưa vụ án ra xét xử do chị không còn tình cảm với anh H và không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa.

- Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh Phạm H có 02 con chung là cháu Phạm Minh N, sinh ngày 05/9/2009 và cháu Phạm Ngọc S, sinh ngày 25/5/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu N và cháu S do chị có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dưỡng các con.

Từ lâu nay, một mình chị T là người trực tiếp chăm sóc các con, anh H thường xuyên say rượu, không lo làm ăn để vun vén cho gia đình. Hiện nay, các con chung sức khỏe ổn định và đang sinh sống cùng với chị T. Hơn nữa, khi được biết bố mẹ đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, các con chung đều mong muốn được ở cùng chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị T xác nhận không có, khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị T xác nhận không có, khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn anh Phạm H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm H và chị Đàm Thị T kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 01 tháng 4 năm 2011 tại UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường Y, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 và có sinh được một người con. Sau khi sinh con, anh chị mới đi đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống và kết hôn với nhau, anh chị đều ở tại thôn V, phường Y, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, có thể khắc phục được. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Đôi khi, mâu thuẫn xảy ra đến đỉnh điểm, dẫn đến việc xô xát, cãi vã. Chị T đã chuyển ra ngoài sinh sống từ năm 2024, vợ chồng không còn liên lạc, qua lại với nhau.

Nay anh H nhận được thông báo về việc chị T làm đơn ly hôn với anh, anh H không đồng ý ly hôn với chị T. Anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh H muốn gia đình được đoàn tụ để chăm sóc và nuôi dạy các con chung.

- Về con chung: Anh H xác nhận anh và chị T có 02 con chung là cháu Phạm Minh N, sinh ngày 05/9/2009 và cháu Phạm Ngọc S, sinh ngày 25/5/2013. Nếu phải ly hôn với chị T, anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc S.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh H không có ý kiến gì.

*** Theo bản tự khai của cháu Phạm Minh N và cháu Phạm Ngọc S (Con chung của chị Đàm Thị T và anh Phạm H) trình bày:** Các cháu biết việc bố mẹ đang giải quyết ly hôn tại Tòa án. Các cháu không mong muốn bố mẹ ly hôn nhưng quá trình chung sống với nhau, bố mẹ chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Nhiều lần, bố cháu đánh và đuổi mẹ cùng hai chị em ra khỏi nhà. Do đó, từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay, mẹ và các cháu đã phải ra ngoài thuê nhà ở riêng. Mọi việc sinh hoạt và học hành của các cháu từ trước đến nay đều do một mình mẹ chăm lo, bố cháu không quan tâm đến các cháu. Khi bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ do bố các cháu thường xuyên

say rượu, không chăm sóc được cho các cháu trong học tập và sinh hoạt hàng ngày.

*** Qua làm việc với đại diện Tổ dân phố số A, phường Y, Thành phố Hà Nội cung cấp:** Trong quá trình chung sống tại nơi cư trú, anh H và chị T thường xuyên xảy ra xô sát và cãi vã. Mâu thuẫn của anh H và chị T đã trở nên trầm trọng, do đó, chị T đã phải chuyển đi nơi khác để sinh sống. Đến nay, chị T làm đơn xin ly hôn anh H, Tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, trường hợp phải ly hôn, Tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi và tính ổn định cho các cháu. Những vấn đề khác Tổ dân phố không biết rõ nên không có ý kiến.

*** Tại phiên tòa hôm nay**

- Chị Đàm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm H. Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh H có hai con chung là cháu Phạm Minh N, sinh ngày 05/9/2009 và cháu Phạm Ngọc S, sinh ngày 25/5/2013. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về các khoản nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Phạm H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa hôm nay.

*** Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội thụ lý đơn xin ly hôn của chị Đàm Thị T đối với anh Phạm H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị T về việc xin ly hôn với anh Phạm H. Xử cho chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Minh N và cháu Ngọc S cho chị Đàm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ chung: Chị T và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đàm Thị T có đơn xin ly hôn với anh Phạm H có nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay tại Thôn V, phường Y, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vẫn không hòa giải để đoàn tụ được. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 03/4/2026, Tòa án đã tổng đạt Quyết định xét xử đúng theo quy định của pháp luật đối với anh Phạm H nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do; vì vậy HĐXX đã căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, khoản 2 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định phiên tòa được mở lại vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 20/4/2026. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật đối với anh Phạm H nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Phạm H kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 4 năm 2011 tại UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường Y, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, chị Đàm Thị T và anh Phạm H chưa

ai kết hôn lần nào. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị T, anh H và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Trước khi đi đăng ký kết hôn, anh chị đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009. Đến khi sinh được một người con, chị Đàm Thị T và anh Phạm H mới đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng anh chị chung sống với nhau bình thường, hòa thuận, chỉ đôi lúc phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, có thể khắc phục được. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hơn nữa, anh H khi say rượu thường xuyên đánh đập, chửi bới và đuổi chị T ra khỏi nhà. Một mình chị T phải lo cho gia đình và các con, còn anh H không lo làm ăn, vun vén cho gia đình. Đôi khi, mâu thuẫn xảy ra đến đỉnh điểm, chị T và anh H có xảy ra xô xát. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H tổ dân phố có biết được. Gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do không thể chịu đựng được nữa, chị T và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2024, mỗi người một nơi, cuộc sống và kinh tế độc lập, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy, trong quá trình chung sống với nhau, anh H thường xuyên uống rượu say, không quan tâm, chăm lo đến gia đình, con cái, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chồng, người cha. Mọi gánh nặng kinh tế và việc chăm sóc con cái đều do chị T một mình đảm nhận. Không những vậy, mỗi khi say rượu, anh H còn có hành vi chửi bới, đuổi, đánh chị T cùng các con ra khỏi nhà, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần và đời sống của các thành viên trong gia đình. Do mâu thuẫn kéo dài, từ cuối năm 2024, chị T cùng các con đã chuyển ra ngoài sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, hai vợ chồng phải chung sống cùng nhau, quan tâm và thương yêu chăm sóc nhau. Hơn nữa, hai vợ chồng cùng phải có nghĩa vụ quan tâm, chia sẻ với nhau trong việc xây dựng kinh tế và nuôi dạy con cái. Về phía anh H, anh H không muốn ly hôn vì anh cho rằng mối quan hệ vợ chồng vẫn chưa đến mức phải ly hôn và vẫn muốn gia đình đoàn tụ với nhau để chăm sóc các con nhưng anh H không đưa ra được phương án để vợ chồng hàn gắn. Điều này chứng tỏ anh H không có thiện chí để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đàm Thị T và anh Phạm H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử

xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị Đàm Thị T được ly hôn với anh Phạm H là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị xác nhận có 2 con chung cháu Phạm Minh N, sinh ngày 05/9/2009 và cháu Phạm Ngọc S, sinh ngày 25/5/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh N và cháu Ngọc S do chị có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Hiện nay, các con chung sức khỏe bình thường và đang sinh sống ổn định cùng với chị T. Từ trước đến nay, một mình chị T là người chăm sóc, lo toan cho các con về học hành và sinh hoạt trong cuộc sống. Về phía anh H, nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngọc S.

Xét thấy, các đương sự không thống nhất được việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Đàm Thị T và anh Phạm H đều có điều kiện nhất định để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên, khi xem xét, đánh giá việc giao các con chưa thành niên cho người cha hay người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét đánh giá khách quan, đảm bảo về quyền lợi chính đáng của con chung vì việc nuôi và chăm sóc con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Xét thấy trong thời gian chung sống cũng như từ khi các bên ly thân, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lo toan toàn bộ về việc học hành và đời sống cho các con. Trong khi đó, anh H thường xuyên say rượu, không quan tâm và không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người cha. Mỗi khi say rượu, anh H có hành vi chửi bới, đuổi chị T và các con ra khỏi nhà, do đó, mẹ con chị T phải đi thuê nhà để sinh sống. Chính điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý, đời sống tinh thần và sự ổn định cuộc sống của các con. Hiện nay, các con chung đang sinh sống ổn định cùng với chị T. Mặt khác, khi xem xét giao con trên 7 tuổi cho bố hay mẹ chăm sóc cũng cần cân nhắc đến ý kiến của con trẻ. Hai con chung của anh H và chị T trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, do mẹ là người trực tiếp chăm sóc các cháu từ nhỏ cho đến nay. Xét thấy nguyện vọng này là chính đáng, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự ổn định về nơi ở, học tập và sự phát triển của các con. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao 02 con chung là cháu Minh N và cháu Ngọc S cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T và anh H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đàm Thị T được ly hôn với anh Phạm H.

2. Về con chung: Xác nhận chị Đàm Thị T và anh Phạm H có 02 con chung là cháu Phạm Minh N, sinh ngày 05/9/2009 và cháu Phạm Ngọc S, sinh ngày 25/5/2013. Giao con chung là cháu Phạm Minh N và cháu Phạm Ngọc S cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Phạm H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đàm Thị T không yêu cầu anh Phạm H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm H kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Đàm Thị T và anh Phạm H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Đàm Thị T và anh Phạm H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021671 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị Đàm Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Đàm Thị T và anh Phạm H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại